

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2021/HS-PT**

Ngày: 24-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 83/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Lê Bá H cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Bá H**, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1992 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Tân H, xã Quảng T (nay là thị trấn TP), huyện QX, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá L và bà Lê Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Mai Quốc N**, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2000 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn ĐS, xã ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Quốc C và bà Hồ Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Họ và tên: **Phạm Hữu T**, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1991 tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã Quảng T (nay là thị trấn TP), huyện QX, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T và bà Vũ Thị B; Vợ: Bùi Thị T; Con: Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/10/2008 bị Tòa án nhân dân huyện QX, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 18 giờ ngày 01/7/2020, tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi phát hiện bị cáo Phạm Hữu T đang đi thu tiền vay của một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) tại vòng xoay Ngã Năm thuộc phường NL, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành kiểm tra nơi ở của Phạm Hữu T tại số nhà Lô 5 NXX, khu APS, phường NC, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi; phát hiện tại đây có nhóm đối tượng gồm: Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T, Mai Đình H và Bùi Thị T. Qua làm việc, Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T khai nhận thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 03/7/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi chuyển hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an TP Q thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an TP Q đã xác định: Khoảng tháng 05/2019, Lê Bá H thuê nhà ở tại khu dân cư NBV, phường NL, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đến tháng 04/2020 chuyển đến thuê tại số nhà Lô 5 NXX, khu APS, phường NC, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để hoạt động cho vay. Bị cáo H bỏ vốn và thuê Mai Quốc N, Phạm Hữu T, đối tượng Đặng Văn S đến ở và thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Q và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Các bị cáo đã lôi kéo những người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vay tiền bằng thủ đoạn phát tờ rơi với nội dung: “Hỗ trợ tài chính” kèm theo các số điện thoại 0977.816.283, 0393.389.636, 0866.762.092, 0396.292.219. Những người

dân có nhu cầu vay tiền thì liên lạc với các bị cáo để gặp và trao đổi trực tiếp về các điều khoản khi tiến hành vay nợ. Khi vay nhóm đối tượng yêu cầu người vay viết giấy mượn tiền, cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, dao động từ 0,67%/ngày đến 1,0%/ngày, tiền góp hàng ngày các đối tượng đi thu về đưa cho bị cáo Lê Bá H.

Việc theo dõi hoạt động cho vay, thông tin người vay, số tiền vay được bị cáo Lê Bá H quản lý trên điện thoại di động Iphone, số IMEI: 354864093657931, bên trong gắn thẻ sim số 8984048000025427428. Tại Kết luận giám định số 588/KLGD-PC09 ngày 23/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, xác định dữ liệu điện thoại nói trên lưu trữ danh sách 22 người vay tiền trong khoảng thời gian từ 12/2019 đến 03/2020.

Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 05/2019 đến ngày 01/7/2020, các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T và đối tượng Đặng Văn S đã cho 23 người vay tiền với tổng cộng 97 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 664.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đã thu từ người vay là 763.800.000 đồng, trong đó: Tổng số tiền lãi đã thu là 148.180.650 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 9.739.730 đồng; tiền lãi vượt mức quy định là 138.440.920 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu được từ người vay tiền. Cụ thể:

1. Đinh Văn T “Lan np 0865623587, 0865282349” : vay 07 lần, với số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian từ 01/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 58.400.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 11.303.226 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 800.000 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 10.503.226 đồng. Ông T đã trả tiền gốc là 47.096.774 đồng và 2.000.000 đồng tiền phí.

2. Đặng Thị A “Nga NH 0975144510” vay 04 lần, với số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ 12/2019, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 24.800.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 4.800.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 339.726 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.460.274 đồng. Bà A đã trả tiền gốc là 20.000.000 đồng và 800.000 đồng tiền phí.

3. Trương Thị Phương U “Uyen na 0971062416” vay 07 lần, với số tiền 35.000.000 đồng trong thời gian từ 01/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 40.400.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 7.819.355 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 553.425 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 7.265.930 đồng. Bà U đã trả tiền gốc là 32.580.645 đồng và 1.400.000 đồng tiền phí.

4. Bùi Thị Thúy N “N QP 0905054793” vay 07 lần, với số tiền 70.000.000 đồng, với lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 85.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 17.000.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 931.507 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 16.068.493 đồng. Bà N đã trả tiền gốc là 68.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền phí.

5. Phạm Thị X “X rau 0362522730” vay 01 lần, với số tiền 5.000.000 đồng trong 02/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 6.200.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 1.200.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 84.932 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.115.068 đồng. Bà X đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền phí.

6. Nguyễn Thị B “B cá na 0969215244” vay 05 lần, với số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian từ 12/2019 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 54.800.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 10.606.452 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 750.685 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 9.855.767 đồng. Bà B đã trả tiền gốc là 44.193.548 đồng và 2.000.000 đồng tiền phí.

7. Võ Thị B “0336042681” vay 07 lần, với số tiền 35.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 38.400.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 7.432.258 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 526.027 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 6.906.231 đồng. Bà B đã trả tiền gốc là 30.967.742 đồng và 1.400.000 đồng tiền phí.

8. Đào Thị Q “Còm na 0394013544” vay 04 lần, với số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ 04/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 21.200.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 4.103.226 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 290.411 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 3.812.815 đồng. Bà Q đã trả tiền gốc là 17.096.774 đồng và 400.000 đồng tiền phí.

9. Nguyễn Thị Q “Q NT 0966212163” vay 03 lần, với số tiền 25.000.000 đồng trong thời gian 03/2020 và 06/2020, với lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 28.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 5.600.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 306.849 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 5.293.151 đồng. Bà Q đã trả tiền gốc là 12.400.000 đồng và 1.250.000 đồng tiền phí.

10. Trần Thị T “T NT 0945244827” vay 02 lần, với số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ 03/2020 đến 04/2020, với lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 25.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 5.000.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 273.973 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.726.027 đồng. Bà T đã trả tiền gốc là 20.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền phí.

11. Đỗ Thị Ngọc B “B lh 0961569239” vay 02 lần, với số tiền 17.000.000 đồng trong thời gian 10/2019 và 03/2020, với lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 21.250.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 4.250.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 232.877 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.017.123 đồng. Bà B đã trả tiền gốc là 17.000.000 đồng và 850.000 đồng tiền phí.

12. Phan Thị M “M md 0362562315” vay 03 lần, với số tiền 40.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 04/2020, với lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 50.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 547.945 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 9.452.055 đồng. Bà M đã trả tiền gốc là 40.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền phí.

13. Cao Thị H “H dp 0942978768” vay 01 lần, với số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 03/2020 với lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 8.750.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 1.750.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 95.890 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.654.110 đồng. Bà H đã trả tiền gốc là 7.000.000 đồng và 350.000 đồng tiền phí.

14. Nguyễn Hồng R “R QT 0935526806” vay 03 lần, với số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 16.800.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 3.251.613 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 230.137 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 3.021.476 đồng. Bà R đã trả tiền gốc là 13.548.387 đồng và 600.000 đồng tiền phí.

15. Nguyễn Thị Linh A “A QT 0935240165” vay 05 lần, với số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 50.400.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 8.400.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 690.411 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 7.709.589 đồng. Bà A đã trả tiền gốc là 42.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền phí.

16. Nguyễn Thị C “C na 0869086175” vay 05 lần, với số tiền 25.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 31.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 6.000.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 424.658 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 5.575.342 đồng. Bà C đã trả tiền gốc là 25.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền phí.

17. Nguyễn Thị H “H NH nhang 0328331831” vay 05 lần, với số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 27.400.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 5.303.226 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 375.342 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.927.883 đồng. Bà H đã trả tiền gốc là 22.096.774 đồng và 200.000 đồng tiền phí.

18. Nguyễn Văn D “D NT 0985246645” vay 04 lần, với số tiền 40.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 05/2020, với lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 46.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 9.200.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 504.110 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 8.695.890 đồng. Ông D đã trả tiền gốc là 36.800.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền phí.

19. Trần Thị Ngọc H “H TP 0966797549” vay 01 lần, với số tiền 10.000.000 đồng trong 03/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 12.400.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 2.400.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 169.863 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 2.230.137 đồng. Bà H đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng và 400.000 đồng tiền phí.

20. Nguyễn Thị H vay 01 lần, với số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 3.400.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 658.065 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 46.575 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 611.489 đồng. Bà H đã trả tiền gốc là 2.741.935 đồng.

21. Võ Thị N “Nh np 0973223310” vay 06 lần, với số tiền 30.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 05/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 37.200.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 7.200.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 509.589 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 6.690.411 đồng. Bà N đã trả tiền gốc là 30.000.000 đồng và 400.000 đồng tiền phí.

22. Huỳnh Thị M “M NH tóc 0935100831” vay 09 lần, với số tiền 45.000.000 đồng trong thời gian từ 02/2020 đến 06/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 50.800.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 9.832.258 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 695.890 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 9.136.368 đồng. Bà M đã trả tiền gốc là 40.967.742 đồng và 800.000 đồng tiền phí.

23. Phạm Thị Thu T “Thu T n.hòa 0347530035” vay 05 lần, với số tiền 25.000.000 đồng trong 03/2020, với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 26.200.000 đồng; trong đó số tiền lãi đã trả là: 5.070.968 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 358.904 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.712.064 đồng. Bà T đã trả tiền gốc là 21.129.032 đồng và 600.000 đồng tiền phí.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q xác định 01 giấy mượn tiền và 01 Giấy phép lái xe mang tên Trần Thị Mỹ H tạm giữ từ Mai Đình H. Những giấy tờ trên do Đặng Văn S đưa cho Mai Đình H cất giữ; qua xác minh hiện bà Trần Thị Mỹ H (SN: 1985; HKTT: Thôn Vĩnh Tuy, xã Phổ Châu, huyện Đức

Phổ, tỉnh Quảng Ngãi) không có mặt tại địa phương nên Cơ quan CSĐT Công an TP Q không làm việc được.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 06/2020, bị cáo Lê Bá H cùng đồng phạm đã thu lợi bất chính số tiền 138.440.919 đồng từ hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn TP Q và địa bàn một số huyện tại tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, các bị cáo thu tiền phụ thu của người vay tiền với tổng số tiền 22.250.000 đồng; đây là số tiền thu trái quy định của pháp luật mà Bị cáo H và đồng phạm thu được từ hoạt động cho vay nặng lãi.

Tạm giữ tại số nhà Lô 5 NXX, khu APS.

- 01 (Một) căn cước công dân số 038092012152 mang tên Lê Bá H (Phôtô);
 - Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng);
 - 01 (Một) căn cước công dân số 038200018557 mang tên Mai Quốc N (Phôtô);
 - 01 (Một) căn cước công dân số 038091016907 mang tên Phạm Hữu T (Phôtô);
 - 01 (Một) căn cước công dân số 038195004124 mang tên Bùi Thị T (Phôtô);
 - 01 (Một) hợp đồng thuê nhà ngày 26/4/2020 giữa ông Trương Quang V và Lê Bá H;
 - 04 (Bốn) sổ, trong các sổ ghi nhận nội dung thể hiện hoạt động cho vay tiền và danh sách người vay tiền.
- Tạm giữ từ Phạm Hữu T:
- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);
 - 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE 8 PLUS, màu đỏ; số IMEI: 35940208877206;
 - 01 (Một) điện thoại di động NOKIA, model: TA. 1203, số IMEI: 357751109988359;
 - 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô số 024568;
 - 01 (Một) xe mô tô hiệu DREAM, biển số 76E1 – 447.36;
 - 01 (Một) căn cước công dân số 038091016907 mang tên Phạm Hữu T.
- Tạm giữ từ Lê Bá H:
- 01 (Một) điện thoại di động IPHONE, màu trắng xám, có ốp lưng màu đen;
 - 01 (Một) điện thoại di động kiểu dáng VERTU, màu vàng nâu;
 - 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh;
 - 01 (Một) bình xịt hơi cay màu đen;
 - 01 (Một) thẻ ATM mang tên Lê Bá H;
 - 01 (Một) căn cước công dân số 038092012152 mang tên Lê Bá H;
 - 01 Giấy phép lái xe A1 số 521180057711 mang tên Lê Bá H;

- 01 (Một) xe mô tô hiệu SH màu đen, biển số 36B6 – 317.67;
Tạm giữ từ Mai Quốc N:
- 01 (Một) điện thoại di động IPHONE 11, có gắn sim 0977169031;
- 01 (Một) điện thoại di động IPHONE 6, không có sim;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, TA – 1174 màu đen, có sim 0866762092;
- 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô số 028774, biển số 82B1 – 484.50; chủ xe Phạm Quốc Uy, Đắk Hà, Kon Tum;
- 01 (Một) sổ hộ khẩu, số 490256619 mang tên Nguyễn Thị H;
- 01 (Một) giấy CMND, số 212013282 mang tên Nguyễn Thị H;
- 01 (Một) tờ giấy màu hồng ghi Phong 5 triệu 6 ngày 20/5/2020;
- 01 (Một) quyển vở in chữ Mầm Xanh – Thuận Tiến;
- 01 (Một) xe mô tô hiệu SIRIUS màu đen, biển số 82B1 – 484.50;
- 01 (Một) căn cước công dân số: 038200018557 mang tên Mai Quốc N.
Tạm giữ từ Mai Đình H:
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE 5, màu trắng bạc; số IMEI: 013628000798580;
- 01 (Một) ví da màu đen;
- 01 (Một) căn cước công dân số: 038094007218 mang tên Mai Đình H;
- 01 (Một) thẻ ngân hàng ATM SACOMBANK mang tên Mai Đình H;
- 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Trần Thị Mỹ H;
- 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô BKS: 64B1- 273.76 mang tên Lê Thị Trúc D;
- 01 (Một) xe mô tô hiệu WAVE màu trắng đen bạc, biển số: 64B1 – 273.76;
- 01 (Một) giấy phép lái xe hạng B2 số 511163002700, mang tên Trần Thị Mỹ H;
- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm ngàn đồng).
- Tạm giữ từ Bùi Thị T là vợ của Phạm Hữu T:
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, đã qua sử dụng;
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC, màu xám, đã qua sử dụng;
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 (Một) máy tính bảng nhãn hiệu IPAD, màu xám, đã qua sử dụng, bị bể màn hình;
- 01 (Một) căn cước công dân số 038195004121 mang tên Bùi Thị T;
- 01 (Một) Sổ hộ khẩu số 570900539, chủ hộ Phạm Hữu T;

- 01 (Một) đôi giấy vở học sinh, trên giấy có chữ “ngày 21/2/2020 Nương 7.000.000, ngày góp 30.000”;
- 01 (Một) xe mô tô BKS 36B7-303.79, nhãn hiệu Hon da Wave Alpha, màu xanh.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 08/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Bá H 12 tháng tù, thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020.

Xử phạt: Bị cáo Mai Quốc N 09 tháng tù, thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020.

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hữu T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu T 10 tháng tù, thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/4/2021, các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T kháng cáo xin phạt tiền hoặc được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo Phạm Hữu T, Mai Quốc N được bị cáo Lê Bá H thuê để thực hiện hoạt động cho vay, bị cáo Lê Bá H là người chủ mưu, thực hành, các bị cáo khác là người

giúp sức và thực hành. Các bị cáo thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng nhưng xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về kinh doanh tiền tệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và xử phạt bị cáo Lê Bá H 12 tháng tù, bị cáo Phạm Hữu T 10 tháng tù, bị cáo Mai Quốc N 09 tháng tù là không nặng, cũng như đã có sự phân hóa về vai trò và nhân thân của từng bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Mai Quốc N, Phạm Hữu T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của các bị cáo là do trở ngại khách quan và không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị cáo Mai Quốc N, Phạm Hữu T.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T thấy rằng:

Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2019 đến ngày 01/7/2020, bị cáo Lê Bá H dùng tiền của bị cáo và thuê các bị cáo Mai Quốc N, Phạm Hữu T cùng nhau cho 23 người vay tiền với lãi suất dao động từ 0,67%/ngày đến 1,0%/ngày, tức từ 244,55%/năm đến 365%/năm. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T đã cho vay với lãi suất gấp từ 12 đến 18,25 lần lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định. Tổng số tiền các bị cáo cho vay là 664.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu của người vay là 148.180.645 đồng, trong đó, số tiền lãi dưới 20%/năm là 9.739.726 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 138.440.919 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn phụ thu của người vay số tiền 22.250.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền hoặc xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo

kháng cáo với lý do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; trình độ học vấn thấp nên không hiểu rõ pháp luật, là lao động chính trong gia đình. Tuy nhiên, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ cho các bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Lê Bá H là người tổ chức, các bị cáo Mai Quốc N, Phạm Hữu T là người thực hành, riêng bị cáo Phạm Hữu T có nhân thân xấu. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo nên xử phạt bị cáo Lê Bá H 12 tháng tù, bị cáo Phạm Hữu T 10 tháng tù, bị cáo Mai Quốc N 09 tháng tù là không nặng và cần thiết; đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa loại tội phạm này. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Bá H 12 tháng tù** về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020.

Xử phạt: Bị cáo **Mai Quốc N 09 tháng tù** về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Hữu T 10 tháng tù** về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 31/8/2020.

2. Về án phí: Các bị cáo Lê Bá H, Mai Quốc N, Phạm Hữu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an TP Q (02 bản);
- TAND TP Q (02 bản);
- VKSND, THADS TP Q;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé